

## CHÍNH SÁCH VÀ VIỆC THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH TRUYỀN THÔNG TẠI KHU VỰC BIÊN GIỚI TỈNH LÀO CAI<sup>1</sup>

**ThS. Lê Thị Thỏ**  
**Viện Dân tộc học**  
**Email: lethoatq@gmail.com**

**Tóm tắt:** Trong nhiều năm qua, Đảng và Nhà nước ta đã ban hành nhiều chính sách truyền thông nói chung và các chính sách hỗ trợ truyền thông dành cho vùng đồng bào dân tộc thiểu số và vùng biên giới nói riêng. Các chính sách truyền thông này đã được tỉnh Lào Cai triển khai thực hiện ở vùng biên giới và đạt được một số hiệu quả nhất định, góp phần phát triển kinh tế - xã hội, ổn định an ninh chính trị địa phương, và an toàn đường biên giới quốc gia. Bài viết này, trên cơ sở hệ thống các chính sách truyền thông đã được Đảng và Nhà nước ban hành từ năm 2000 đến nay, phân tích việc triển khai thực hiện các chính sách này ở vùng biên giới Việt Nam - Trung Quốc tại tỉnh Lào Cai, đồng thời nêu rõ hiệu quả và một số khó khăn, hạn chế trong quá trình triển khai, thực hiện. Qua đó bài viết đề xuất một số giải pháp về chính sách và hoạt động truyền thông tại vùng biên giới Việt Nam - Trung Quốc, nơi có nhiều đồng bào dân tộc thiểu số cư trú như tỉnh Lào Cai.

**Từ khóa:** Chính sách, truyền thông, biên giới Việt Nam - Trung Quốc, tỉnh Lào Cai.

**Abstract:** Over the years, our Party and State have implemented numerous communication policies, both in general and with a specific focus on supporting communication in ethnic minority and border areas. Lao Cai province has actively implemented these communication policies in the border area, yielding tangible results that contribute to socioeconomic development, political stability, and national border security. This article, based on the systematisation of communication policies promulgated by the Party and State from 2000 to the present, analyses the implementation of these policies in the Vietnam-China border area of Lao Cai province and, at the same time, identifies their effectiveness, challenges, and limitations during the deployment and implementation process. Furthermore, the article suggests solutions to improve policy and communication activities in Lao Cai province's Vietnam-China border area, which is home to various ethnic minority groups.

**Keywords:** Policy, communication, Vietnam-China border, Lao Cai province.

Ngày nhận bài: 21/4/2023; ngày gửi phản biện: 28/4/2023; ngày duyệt đăng: 28/6/2023

---

<sup>1</sup> Bài viết là kết quả của đề tài khoa học cấp Bộ: “Truyền thông và vấn đề ý thức quốc gia của một số tộc người ở vùng biên giới Việt Nam - Trung Quốc tại tỉnh Lào Cai”, do Viện Dân tộc học chủ trì, TS. Trần Hồng Thu làm Chủ nhiệm năm 2021-2022.

## **Đặt vấn đề**

Khu vực biên giới đất liền Việt Nam - Trung Quốc có chiều dài 1.450km với 7 tỉnh gồm: Hà Giang, Điện Biên, Lào Cai, Lai Châu, Cao Bằng, Quảng Ninh và Lạng Sơn, tiếp giáp với hai tỉnh Vân Nam và Quảng Tây của Trung Quốc. Đây là địa bàn cư trú của nhiều tộc người thuộc các nhóm ngôn ngữ Tày-Thái và Kadai, Hmông-Đao và Tạng-Miến,... Phần lớn các tộc người có nguồn gốc di cư từ Trung Quốc sang Việt Nam ở nhiều thời điểm khác nhau và có các mối quan hệ đồng tộc, thân tộc với nhiều tộc người sinh sống ở vùng biên giới phía Trung Quốc.

Biên giới nói chung, biên giới Việt Nam - Trung Quốc nói riêng là địa bàn chiến lược về an ninh quốc gia, dễ bị các thế lực thù địch tấn công nhằm chống phá chế độ và chính quyền nhân dân. Vì vậy, giữ vững ổn định chính trị - xã hội, bảo đảm an ninh quốc phòng, trật tự an toàn xã hội vùng biên giới là nhiệm vụ quan trọng số một, để cho biên giới trở thành “phên dậu” bảo vệ an ninh cho đất nước, giữ vững môi trường hòa bình để các vùng đồng bằng phát triển. Để thực hiện nhiệm vụ đó, việc đẩy mạnh triển khai chính sách truyền thông ở vùng biên giới nhằm tăng cường đồng thuận xã hội, củng cố lòng tin của đồng bào với Đảng và Nhà nước, phát huy nội lực, vượt qua khó khăn, thách thức, hoà nhập phát triển cùng với đất nước, thu hẹp khoảng cách với vùng đồng bằng là một vấn đề cấp thiết (Luu Văn An và cộng sự, 2020).

Đã có những nghiên cứu đề cập đến chính sách truyền thông của Đảng và Nhà nước ta dành cho các dân tộc thiểu số (DTTS), được nhìn nhận dưới nhiều góc độ khác nhau như: đảm bảo quyền hưởng thụ các giá trị văn hóa (Nguyễn Thị Song Hà, 2016), bảo tồn và phát triển ý thức dân tộc, văn hóa dân tộc (Vương Xuân Tình và Trần Hồng Hạnh, Đồng chủ biên, 2012), gìn giữ ngôn ngữ chữ viết các DTTS (Tạ Văn Thông, Tạ Quang Tùng, 2018), quan điểm về truyền thông của Đảng và Nhà nước ta đối với vùng đồng bào DTTS (Luu Văn An và cộng sự, 2020). Tuy nhiên, các nghiên cứu này mới chủ yếu đề cập đến các chính sách truyền thông được áp dụng cho vùng đồng bào DTTS nói chung, còn vùng biên giới nói riêng vẫn còn thiếu vắng.

Dựa trên phương pháp tổng quan các tài liệu đã được xuất bản, phân tích các tư liệu thu thập được từ điều tra bảng hỏi, phỏng vấn sâu, thảo luận nhóm các cơ quan chức năng và người dân địa phương tại tỉnh Lào Cai<sup>2</sup>, bài viết hệ thống hóa các chính sách truyền thông của Đảng và Nhà nước được triển khai thực hiện ở khu vực biên giới của tỉnh Lào Cai và những hoạt động truyền thông đối với các tộc người thiểu số (TNTS) trong khu vực. Qua đó bài viết tổng hợp các chính sách truyền thông cũng như bước đầu tìm hiểu hiệu quả việc thực hiện các

<sup>2</sup> Các cuộc phỏng vấn sâu và thảo luận nhóm được thực hiện trong hai năm 2021-2022 với sự tham gia của cán bộ Ban Tuyên giáo, Ban Dân tộc, Sở Thông tin và Truyền thông tỉnh Lào Cai; chính quyền và người dân các xã Quang Kim, A Mú Sung (huyện Bát Xát); xã Tả Ngải Chồ (huyện Mường Khương). Đề tài đã thực hiện điều tra 207 phiếu hỏi, trong đó có 105 người Giáy và 102 người Hmông; 78 nam và 129 nữ; 177 người là nông dân và 30 người làm các công việc khác; 29% người được khảo sát mù chữ, 15% có trình độ học vấn tiểu học, 36,7% là trung học cơ sở, 12,1% là trung học phổ thông và 7,2% có trình độ trung cấp trở lên.

chính sách này ở vùng biên giới nói chung, tỉnh Lào Cai nói riêng từ năm 2000 đến nay. Trên cơ sở kết quả nghiên cứu, bài viết đề xuất một số giải pháp về chính sách, hoạt động truyền thông nhằm tăng cường, củng cố ý thức quốc gia của các TNTS sinh sống ở vùng biên giới, củng cố khối đại đoàn kết dân tộc, bảo vệ vững chắc biên cương của đất nước.

### **1. Chính sách truyền thông của Đảng và Nhà nước đối với các tộc người thiểu số và vùng biên giới**

Đối với vùng biên giới và vùng đồng bào DTTS, bên cạnh các chính sách chung về truyền thông cho cả nước, Đảng và Nhà nước ta đã ban hành nhiều chính sách riêng nhằm tăng cường các hoạt động truyền thông và đảm bảo quyền được thông tin và tiếp cận các dịch vụ truyền thông của người dân. Từ đó phục vụ cho việc tuyên truyền đường lối của Đảng, chính sách và pháp luật của Nhà nước đến những vùng sâu, vùng xa, vùng biên giới, hải đảo, góp phần tăng cường dân trí nhân dân, phát triển kinh tế - xã hội địa phương, giữ gìn và phát huy bản sắc văn hóa các TNTS. Các quan điểm của Đảng và Nhà nước đối với các TNTS ở nước ta là coi trọng sự bình đẳng giữa các dân tộc, tạo điều kiện để các cộng đồng DTTS có cơ hội phát triển, chú trọng bảo tồn văn hóa và ngôn ngữ DTTS, nhấn mạnh đoàn kết các dân tộc, chống tư tưởng kỳ thị và chia rẽ dân tộc (Nguyễn Thị Nhung và cộng sự, 2020; Lưu Văn An và cộng sự, 2020). Chính vì vậy, trong các chính sách truyền thông đối với vùng DTTS, trong đó có vùng biên giới, các Nghị quyết Trung ương Đảng khóa VIII và khóa IX đều nhấn mạnh việc bảo tồn và phát triển ngôn ngữ, chữ viết dân tộc; khuyến khích thế hệ trẻ đồng bào DTTS học tập, hiểu biết và sử dụng thành thạo tiếng nói, chữ viết của dân tộc mình; dùng tiếng dân tộc và chữ viết các dân tộc có chữ viết trên các phương tiện thông tin đại chúng ở vùng đồng bào dân tộc (Lưu Văn An và cộng sự, 2020).

Các chính sách truyền thông đối với vùng đồng bào DTTS, trong đó có vùng biên giới từ năm 2000 đến nay bao gồm:

- Nghị định số 05/CP ngày 14/1/2011 của Chính phủ về công tác dân tộc (Điều 17 về chính sách thông tin - truyền thông);

- Quyết định số 1212/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ ngày 5/9/2012 về Chương trình mục tiêu quốc gia đưa thông tin về cơ sở miền núi, vùng sâu, vùng xa, biên giới, hải đảo giai đoạn 2012 - 2015;

- Quyết định số 1497/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ ngày 08/11/2018 phê duyệt Chiến lược phát triển thông tin quốc gia đến năm 2025, tầm nhìn 2030;

- Nghị quyết số 52-NQ/TW ngày 27/9/2019 của Bộ Chính trị về một số chủ trương, chính sách chủ động tham gia cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư;

- Đề án “Tăng cường ứng dụng Công nghệ thông tin hỗ trợ đồng bào DTTS phát triển kinh tế - xã hội và đảm bảo an ninh trật tự vùng đồng bào DTTS Việt Nam giai đoạn 2019-2025” (Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tháng 4 năm 2019);

- Quyết định số 411/QĐ-TTg ngày 31/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược quốc gia phát triển kinh tế số và xã hội số đến năm 2025, định hướng đến năm 2030.

Những chính sách trên được coi là dài hạn đối với truyền thông vùng đồng bào DTTS, tập trung vào việc đầu tư đẩy mạnh truyền thông ở vùng đồng bào DTTS, vùng sâu, vùng xa, vùng biên giới, hải đảo, đảm bảo quyền được thông tin và tiếp cận thông tin của đồng bào DTTS, xây dựng hệ thống thông tin tình hình dân tộc và thực hiện chính sách dân tộc, tăng cường và nâng cao chất lượng sử dụng ngôn ngữ DTTS trên các phương tiện thông tin đại chúng...

Bên cạnh đó, các chính sách tăng cường truyền thông đối với vùng đồng bào DTTS và vùng biên giới về một số vấn đề cụ thể như giáo dục pháp luật, tuyên truyền dân tộc, tôn giáo, dạy và học tiếng dân tộc, tuyên truyền về các chính sách phát triển... được thể hiện trong những quyết định như: Quyết định số 1163/QĐ-TTg ngày 8/8/2017 phê duyệt Đề án “*Đẩy mạnh công tác phổ biến, giáo dục pháp luật và tuyên truyền, vận động đồng bào vùng dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2017-2021*”; Đề án số 219/QĐ-TTg về “*Hỗ trợ thông tin, tuyên truyền về dân tộc, tôn giáo giai đoạn 2019-2021 do Thủ tướng Chính phủ ban hành ngày 21/2/2019*”; Nghị định số 82/2010/NĐ-CP ngày 20/7/2010 của Chính phủ về “*Dạy và học tiếng dân tộc ở các trường học*”; Quyết định 06/2007/QĐ-UBDT ngày 12/1/2007 của Ủy ban Dân tộc về “*Chiến lược truyền thông cho Chương trình 135*”, Dự án 10: “*Truyền thông, tuyên truyền, vận động trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi. Kiểm tra, giám sát đánh giá việc tổ chức thực hiện Chương trình*” thuộc *Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I từ 2021 - 2025*.

Mục tiêu chung của các chính sách nhằm phổ biến, giáo dục pháp luật và cung cấp thông tin rộng rãi về các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách và pháp luật của Nhà nước về công tác dân tộc, chính sách dân tộc. Đối tượng bao gồm đồng bào các DTTS rất ít người và những địa bàn xung yếu, cán bộ làm công tác dân tộc, tôn giáo; phóng viên, biên tập viên của các cơ quan báo chí, xuất bản; cán bộ thông tin, tuyên truyền cơ sở, biên giới, người có uy tín, trưởng thôn/bản vùng DTTS và miền núi; cán bộ làm công tác thông tin, tuyên truyền của các tổ chức chính trị - xã hội; chức sắc, chức việc, nhà tu hành của các tổ chức tôn giáo; hướng dẫn viên du lịch.

Một trong các chính sách ưu đãi hưởng thụ văn hóa được thực hiện theo Quyết định số 170/2003/QĐ-TTg ngày 14/8/2003, trong đó người dân ở các xã đặc biệt khó khăn, miền núi và vùng sâu vùng xa, vùng đồng bào DTTS, người có công với cách mạng, người thuộc diện chính sách xã hội được hưởng các ưu đãi về văn hóa, như được tổ chức xem các chương trình biểu diễn văn hóa nghệ thuật miễn phí, hoặc mức giá ưu đãi có trợ cấp của Nhà nước. Nghị định số 51/2002/NĐ-CP ngày 26/4/2002 của Chính phủ quy định việc thực hiện Luật Báo chí, trong đó nhấn mạnh: Ngoài các chế độ ưu đãi về thuế, ưu đãi về phí đối với hoạt động xuất bản, phát hành báo chí, các cơ quan báo chí của các tổ chức chính trị, báo chí phục vụ thiếu

nhi, phục vụ đồng bào miền núi, hải đảo, đồng bào các DTTS, báo chí đối ngoại và khoa học kỹ thuật được Nhà nước xem xét để tài trợ hàng năm.

Từ năm 2000 đến nay, các chính sách cấp phát miễn phí các ấn phẩm báo, tạp chí cho vùng đồng bào DTTS, trong đó có vùng biên giới được ban hành liên tục, có tính chất thay thế đối với các chính sách hết hạn trước đó. Có thể kể đến một số chính sách như: Quyết định số 1637/QĐ-TTg ngày 31/12/2001 về việc “*Cấp một số loại báo, tạp chí của 17 tòa soạn báo được Chính phủ cấp kinh phí xuất bản để phát hành không thu tiền đối với đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi*”; Quyết định 975/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ ngày 20/7/2006 thay thế Quyết định 1637 với nội dung “*Cấp một số loại báo, tạp chí cho vùng dân tộc thiểu số và miền núi, vùng đặc biệt khó khăn*”, theo đó 24 ấn phẩm của 17 tòa soạn báo được Chính phủ cấp kinh phí xuất bản, để phát hành không thu tiền đối với đồng bào DTTS và miền núi; Quyết định số 975/QĐ-TTg ngày 20/7/2006 của Thủ tướng Chính phủ về việc “*Cấp một số loại báo, tạp chí cho vùng dân tộc thiểu số và miền núi, vùng đặc biệt khó khăn*”; Chỉ thị số 525/CT-TTg ngày 30/3/2011 của Thủ tướng Chính phủ về “*Một số chủ trương, biện pháp tiếp tục phát triển kinh tế - xã hội miền núi*” đề ra một số biện pháp về công tác thông tin, tuyên truyền tới đồng bào dân tộc và miền núi như: Tiếp tục phát triển phát thanh và truyền hình ở miền núi và vùng dân tộc; phát triển các đội thông tin lưu động ở các xã vùng cao, vùng sâu; tiếp tục thực hiện việc cấp không báo Nhi đồng và báo Thiếu niên Tiền phong cho học sinh các trường phổ thông miền núi...; Quyết định số 2472/QĐ-TTg, ngày 28/12/2011 và Quyết định số 1977/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ về việc Sửa đổi, bổ sung một số khoản của Điều 2, Quyết định số 2472/QĐ-TTg ngày 28/12/2011 của Thủ tướng Chính phủ về việc “*Cấp một số sản phẩm thông tin báo, tạp chí cho vùng dân tộc thiểu số, vùng đặc biệt khó khăn giai đoạn 2012 – 2015*”; Quyết định số 59/QĐ-TTg ngày 16/1/2017 của Thủ tướng Chính phủ về việc “*Cấp một số ấn phẩm báo, tạp chí cho vùng dân tộc thiểu số và miền núi, vùng đặc biệt khó khăn giai đoạn 2017-2018*”, theo đó có 18 ấn phẩm được lựa chọn; Quyết định số 45/QĐ-TTg ngày 9/1/2019 của Thủ tướng Chính phủ về việc “*Cấp một số ấn phẩm báo, tạp chí cho vùng dân tộc thiểu số và miền núi, vùng đặc biệt khó khăn giai đoạn 2019 – 2021*”, theo đó xác định danh sách 18 ấn phẩm cấp miễn phí cho vùng DTTS và các xã đặc biệt khó khăn,... Từ năm 2015, chính sách cấp các ấn phẩm báo chí cho vùng DTTS và miền núi được Chính phủ quyết định theo từng năm, bảo đảm rà soát, nâng cao chất lượng các ấn phẩm thực hiện nhiệm vụ mục đích nâng cao dân trí. Mỗi năm, danh sách các tờ báo được lựa chọn có thể khác nhau, tùy thuộc vào chất lượng phục vụ đồng bào. Nhà nước cũng thí điểm cấp đài radio cho vùng đồng bào DTTS, vùng đặc biệt khó khăn, biên giới theo Quyết định số 1860/QĐ-TTg ngày 23/11/2017 của Thủ tướng Chính phủ. Chính sách cung cấp dịch vụ viễn thông công ích đến năm 2025, trong đó có áp dụng với các xã có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn là xã khu vực III, khu vực II, khu vực I thuộc vùng đồng bào DTTS và miền núi giai đoạn 2021-2025 và xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo giai đoạn 2021-2025 theo Quyết định số 2269/QĐ-TTg ngày 31/12/2021 của Thủ tướng Chính phủ.

Hiệu quả của những chính sách, đề án trên đạt được mục tiêu đề ra, có ý nghĩa thiết thực thay đổi nhận thức, tình cảm và hành vi, củng cố niềm tin của các tộc người vùng biên giới vào Đảng, Nhà nước; đồng thời phát huy sức mạnh đại đoàn kết dân tộc cũng như thúc đẩy phát triển sinh kế, giảm đáng kể tỷ lệ hộ nghèo tại vùng đồng bào DTTS, biên giới. Tuy nhiên, bên cạnh những chính sách đem lại hiệu quả cao cũng còn một số chính sách chưa đạt kết quả như mong đợi bởi phụ thuộc vào đặc thù mỗi vùng cũng như việc triển khai, thực hiện theo cơ chế của từng địa phương. Trường hợp tỉnh Lào Cai là minh chứng cho thấy hiệu quả của chính sách truyền thông, hoạt động truyền thông được chú trọng xuyên suốt, lồng ghép trong tất cả các chính sách phát triển kinh tế - xã hội.

## **2. Triển khai thực hiện các chính sách truyền thông tại khu vực biên giới tỉnh Lào Cai**

Lào Cai là một trong những tỉnh ở vùng biên giới Việt Nam - Trung Quốc thực hiện việc triển khai mạnh mẽ các chính sách truyền thông của Chính phủ. Các hoạt động truyền thông của tỉnh Lào Cai đều tuân thủ theo cơ chế quản lý về truyền thông, báo chí của Nhà nước. Bên cạnh đó, tỉnh Lào Cai cũng ban hành nhiều văn bản chỉ đạo, hướng dẫn, thực hiện các hoạt động truyền thông trên địa bàn tỉnh. Lãnh đạo Sở Thông tin và Truyền thông tỉnh Lào Cai cho biết: *“Lào Cai thực hiện nghiêm túc các chính sách của Nhà nước về truyền thông như Luật Báo chí, các chính sách quản lý truyền thông liên quan và các chính sách truyền thông ở vùng đồng bào DTTS và vùng biên giới. Bên cạnh thực hiện các chính sách của Trung ương, Hội đồng nhân dân tỉnh Lào Cai còn ban hành nhiều Nghị quyết liên quan đến truyền thông”* (Thảo luận nhóm, Sở Thông tin và Truyền thông tỉnh Lào Cai). Một cán bộ quản lý Ban Tuyên giáo tỉnh Lào Cai khẳng định: *“Các chính sách hiện nay của Lào Cai không phải là hướng về cơ sở nữa mà tập trung chủ yếu cho cơ sở trong việc xây dựng Nông thôn mới và phát triển kinh tế, đặc biệt là ở khu vực đường biên. Công tác truyền thông của tỉnh Lào Cai được thực hiện bài bản từ tỉnh xuống đến cơ sở. Khoảng 9 năm trở lại đây, cứ Trung ương triển khai thực hiện chính sách gì, bao gồm chính sách truyền thông thì chỉ sau một tuần là Lào Cai thực hiện chính sách đó”* (Thảo luận nhóm, Ban Tuyên giáo tỉnh Lào Cai).

### **2.1. Tình hình thực hiện chính sách truyền thông ở vùng biên giới tỉnh Lào Cai**

Các chính sách truyền thông được thực hiện thông qua các hoạt động truyền thông chính thức trên địa bàn rất đa dạng về cả nội dung truyền thông, tổ chức truyền thông, phương tiện truyền thông, kênh truyền thông, đối tượng truyền thông và ngôn ngữ truyền thông, thời gian, tần suất, thời lượng truyền thông. Các hoạt động này được thực hiện bởi nhiều chủ thể truyền thông, bao gồm các cơ quan thuộc hệ thống chính trị của địa phương, các cơ quan báo chí, bộ đội biên phòng...

Các hoạt động truyền thông chính thức ở vùng biên giới tỉnh Lào Cai bao gồm:

- *Tiếp và phát sóng các chương trình truyền thanh và truyền hình Trung ương, cụ thể là của Đài Truyền hình Việt Nam (VTV) và Đài Tiếng nói Việt Nam (VOV), bao gồm cả chương trình tiếng phổ thông và tiếng dân tộc:*

Đơn vị chịu trách nhiệm thu, tiếp sóng các chương trình truyền thanh, truyền hình Trung ương trên địa bàn là Đài Phát thanh và Truyền hình Lào Cai. Trung bình mỗi năm, tỉnh Lào Cai tiếp, phát sóng 35.040 giờ các chương trình truyền hình của VTV và 8.934 giờ các chương trình phát thanh của VOV. Bên cạnh việc phát sóng đến các phương tiện truyền thông của những hộ gia đình, các chương trình này còn được lựa chọn phát thanh trên hệ thống truyền thông cơ sở (bao gồm các Đài truyền thanh cấp huyện, cấp xã và cụm loa truyền thanh cấp thôn).

*- Sản xuất và phát sóng các chương trình truyền thanh và truyền hình của Đài phát thanh và truyền hình Lào Cai, cả chương trình tiếng phổ thông và tiếng dân tộc:*

Hàng năm, Đài Phát thanh và Truyền hình Lào Cai đã sản xuất và phát sóng chương trình truyền hình đạt 6.935 giờ, trong đó truyền hình tiếng dân tộc đạt 548 giờ; sản xuất và phát sóng chương trình truyền thanh là 11.133 giờ, trong đó tiếng dân tộc là 5.475 giờ (Sở Thông tin và Truyền thông tỉnh Lào Cai, 2020). Kênh truyền hình tiếng dân tộc sử dụng hai ngôn ngữ là Hmông và Dao; kênh truyền thanh tộc người sử dụng ba ngôn ngữ là Hmông, Dao và Giáy. Ngoài việc phát sóng truyền thanh, truyền hình, các chương trình tiếng phổ thông và tiếng DTTS của Lào Cai cũng được đưa lên các trang thông tin điện tử, mạng xã hội Facebook và Youtube để tiếp cận được với nhiều khán giả hơn, đồng thời tiếp thu các ý kiến đóng góp của người xem để đổi mới chương trình, đáp ứng nhu cầu và thị hiếu trong bối cảnh hiện tại.

*- Tăng cường tuyên truyền về các hoạt động, phổ biến chính sách và pháp luật của Đảng và Nhà nước dưới nhiều hình thức, do nhiều chủ thể truyền thông trong hệ thống chính trị của tỉnh Lào Cai thực hiện:*

Các hoạt động tuyên truyền thường được xem như là một nhiệm vụ cố định của các cơ quan thuộc hệ thống chính trị tỉnh Lào Cai. Tuy nhiên, cách thức tổ chức tuyên truyền ở các đơn vị có sự khác nhau, có thể được thực hiện thường xuyên hàng ngày, hàng tháng hoặc có thể chỉ tổ chức tuyên truyền theo các sự kiện của đất nước, ví dụ như các dịp lễ kỷ niệm và trong thời kỳ bầu cử. Hoạt động tuyên truyền định kỳ theo thời gian được tổ chức chủ yếu bởi các đơn vị như hệ thống đài truyền thanh cấp huyện, xã thôn (dưới sự quản lý của Sở Thông tin và Truyền thông cũng như chính quyền địa phương), tổ tuyên vận (dưới sự quản lý của Ban Tuyên giáo, Ban Dân vận và chính quyền địa phương), đơn vị truyền thông lưu động (dưới sự quản lý của Sở Văn hóa - Thể thao và Du lịch). Hệ thống Đài truyền thanh cấp huyện, xã thôn thực hiện công tác tuyên truyền cho người dân theo ngày, mỗi ngày 3 đợt: sáng sớm, trưa và chiều muộn, thời điểm mà người dân ở nhà. Tổ tuyên vận tiến hành các hoạt động truyền thông theo tháng, luân chuyển ở các thôn. Đơn vị truyền thông lưu động mặc dù hoạt động thường xuyên nhưng do thực hiện trên địa bàn rộng nên hoạt động hạn chế hơn, chỉ đạt được một vài lần trong năm.

Bên cạnh đó, Sở Thông tin và Truyền thông tỉnh Lào Cai còn phối hợp với bộ đội biên phòng tỉnh tổ chức nhiều đợt thông tin, tuyên truyền cho người dân về luật biên giới, các quy định, trách nhiệm của người dân trong việc bảo vệ vùng biên giới.

*- Thực hiện các chính sách ưu đãi văn hóa đối với các cộng đồng DTTS vùng biên giới:*

Trong hai năm 2019 - 2020, tỉnh Lào Cai đã hỗ trợ 1.260 bộ tivi và 1.225 radio cho các hộ nghèo trên địa bàn tỉnh. Việc hỗ trợ, trao tặng tivi cho hộ gia đình nghèo vùng đồng bào DTTS đã giúp cho các gia đình nghèo có điều kiện tiếp cận kịp thời các thông tin về chủ trương của Đảng, chính sách và pháp luật của Nhà nước cũng như các thông tin văn hóa, xã hội, khoa học công nghệ, phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

Việc cấp phát ấn phẩm, báo, tạp chí cho vùng DTTS và miền núi, vùng đặc biệt khó khăn vẫn liên tục được tỉnh Lào Cai triển khai hàng năm. Từ năm 2017, tỉnh Lào Cai đã cấp miễn phí gần 7.000 tờ báo, tạp chí (báo Nhân dân, báo Lào Cai, tạp chí Cộng sản) cho đồng bào DTTS và vùng đặc biệt khó khăn, trong đó có nhiều địa phương là vùng biên giới.

*- Xây dựng, nâng cấp hạ tầng truyền thông và nâng cao năng lực, xây dựng đội ngũ cán bộ truyền thông:*

Từ nguồn vốn Chương trình mục tiêu quốc gia đưa thông tin về cơ sở, tỉnh Lào Cai đã đầu tư, nâng cấp hệ thống truyền thanh cho 26 xã biên giới gồm 26 trạm truyền thanh cơ sở và 299 cụm loa thôn bản, góp phần vào công tác thông tin, truyền thông khu vực biên giới. Tính đến tháng 11/2021, toàn tỉnh Lào Cai có 2.718 trạm thu phát sóng thông tin di động. Hạ tầng mạng truyền dẫn cáp quang kết nối và cung cấp dịch vụ đến 100% trung tâm cấp huyện, cấp xã và 73% đến thôn bản. Mật độ thuê bao Internet băng rộng đạt 63 thuê bao/100 dân, mật độ thuê bao Internet băng rộng cố định đạt 12 thuê bao/100 dân đã tạo điều kiện cho hệ thống dịch vụ truyền hình trả tiền và thông tin trên Internet phát triển, giúp người dân cũng như đồng bào DTTS tiếp cận thông tin, nâng cao nhận thức.

## **2.2. Hiệu quả của việc thực hiện các chính sách truyền thông tại vùng biên giới của tỉnh Lào Cai.**

Các hoạt động triển khai thực hiện chính sách truyền thông của tỉnh Lào Cai tại khu vực biên giới đã phần nào đáp ứng được nhu cầu tiếp nhận các thông tin chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội và giải trí của người dân địa phương. Có 91,9% số người dân được hỏi cho biết, có xem các chương trình truyền hình của Đài truyền hình Việt Nam và Đài Phát thanh và Truyền hình Lào Cai, trong đó chủ yếu là xem các kênh truyền hình tiếng Việt. Kênh truyền hình tiếng dân tộc thu hút lượng người xem kém hơn, chỉ 29,1% với Đài truyền hình Việt Nam và 53,1% với Đài Phát thanh và Truyền hình Lào Cai (Trần Hồng Thu, 2022). Người dân cũng lắng nghe các chương trình truyền thanh qua hệ thống truyền thanh cấp xã và tham gia đầy đủ vào các cuộc truyền thông miệng được thực hiện bởi tổ tuyên vận. Họ cũng háo hức đón xem các chương trình truyền thông lưu động bởi các chương trình này thường mang tính giải trí cao.

Các hoạt động truyền thông tại vùng biên giới của tỉnh Lào Cai đã mang lại những hiệu quả trong thay đổi nhận thức, tình cảm, niềm tin và hành vi của người dân, thúc đẩy sự phát

triển kinh tế - xã hội, giữ vững ổn định chính trị, bảo tồn và phát triển văn hóa tộc người, nâng cao ý thức bảo vệ môi trường và giữ vững khối đại đoàn kết dân tộc (Sở Thông tin và Truyền thông tỉnh Lào Cai, 2020). Kết quả điều tra của Đề tài cho thấy, các hoạt động truyền thông qua các kênh truyền thanh, truyền hình đã góp phần nâng cao hiểu biết của người dân về Tổ quốc Việt Nam (77,5%), hiểu biết cách thức làm ăn (63,2%), hiểu biết về pháp luật (46,4%), hiểu biết về chính sách của nhà nước (52,7%), hiểu biết về quyền công dân (47,3%), hiểu biết về văn hóa dân tộc (65,4%), sử dụng tiếng Việt được tốt hơn (55,5%). Các hoạt động truyền thông qua sách, báo in và pano, áp phích cũng đem lại kết quả cao tương tự như các hiệu quả của truyền thanh, truyền hình. Tuy nhiên, số lượng người có thể tiếp cận được báo in rất hạn chế, do đó cũng ảnh hưởng nhiều đến hiệu quả đối với nâng cao nhận thức của người dân.

Các cán bộ truyền thông địa phương cũng đánh giá cao hiệu quả của truyền thông tỉnh Lào Cai trong những năm gần đây. Họ cho biết *“Truyền thông có tác động tốt đến nhận thức của người dân. Năm 2012, nhiều người dân ở vùng biên giới còn không thành thạo tiếng phổ thông, đặc biệt là người Hmông, nếu muốn tuyên truyền cho họ, cán bộ thôn, xã phải phiên dịch. Họ cũng không biết các quy định pháp luật, ví dụ như đi xe máy phải đội mũ bảo hiểm. Hiện giờ thì người dân đã biết được nhiều hơn”* (Thảo luận nhóm cán bộ, Sở Thông tin và Truyền thông tỉnh Lào Cai). Một ý kiến khác cho biết *“Do được tuyên truyền nhiều về tảo hôn và hôn nhân cận huyết nên ở các vùng biên giới, tỷ lệ các cặp đôi hôn nhân tảo hôn và cận huyết còn thấp hơn so với huyện Văn Bàn, là huyện không phải vùng biên giới”* (Thảo luận nhóm cán bộ, Sở Thông tin và Truyền thông tỉnh Lào Cai).

### **2.3. Một số khó khăn, hạn chế trong thực hiện chính sách truyền thông ở vùng biên giới tỉnh Lào Cai.**

Tuy đạt được những hiệu quả đáng ghi nhận, nhưng việc triển khai thực hiện chính sách truyền thông của tỉnh Lào Cai cũng gặp không ít khó khăn ở vùng biên giới. Khó khăn thứ nhất do ảnh hưởng của điều kiện tự nhiên và xã hội, nhiều địa bàn dân cư ở vùng lõm nên một số nơi không bắt được sóng hoặc bắt sóng các đài truyền thanh, truyền hình của Việt Nam khá yếu. Phần lớn người dân sinh sống ở vùng biên giới là DTTS, đời sống còn khó khăn, dân trí thấp nên đôi khi cũng bị các thế lực chống phá Nhà nước lợi dụng. Ở một số khu vực biên giới, người dân cư trú khá phân tán, có khi cách rất xa các trụ sở của thôn, xã nên việc tiếp nhận thông tin từ loa truyền thanh của xã, thôn, từ các đội tuyên truyền lưu động và tổ tuyên vận thôn gặp nhiều khó khăn. Việc tuyên truyền qua các kênh truyền thanh, truyền hình cũng gặp hạn chế do nhiều hộ nghèo không có ti vi và điện thoại. Trong nhiều trường hợp, cán bộ xã, thôn và đồn biên phòng phải đến tận nhà của người dân để phổ biến các chính sách của Đảng và Nhà nước.

Thứ hai, do có nhiều chủ thể cùng tham gia truyền thông nên đôi khi bị chông chéo về mặt nội dung giữa các đơn vị. Hiện nay, tỉnh Lào Cai đang tập trung phối hợp các ban, ngành trong hoạt động truyền thông, giao thẩm định kinh phí tuyên truyền cho Sở Thông tin và

Truyền thông nên đã hạn chế phần nào tình trạng chông chéo trong các hoạt động tuyên truyền ở địa phương.

Thứ ba, một số chính sách truyền thông khi triển khai thực hiện đã bộc lộ bất cập, tạo nên những ý kiến trái chiều trong cộng đồng dân cư, ví dụ như chương trình thí điểm cấp phát tivi và đài radio cho các hộ gia đình nghèo ở vùng DTTS. Do nguồn lực hạn chế nên số lượng tivi và đài cấp cho các hộ gia đình nghèo ở địa phương không nhiều, trong khi đời sống của người dân vùng biên giới còn nghèo nên sự chọn lựa gia đình được hưởng chính sách cũng gặp khó khăn, gây nên sự so sánh, tị nạnh, không vừa lòng của một bộ phận người dân, ảnh hưởng đến sự đoàn kết, nhất trí của nhân dân.

Thứ tư, nội dung các chương trình truyền thông của Nhà nước cũng còn nhiều bất cập trong việc cung cấp thông tin, gây nên tình trạng quá tải, khó tiếp thu đối với các TNTS, những người có vốn tiếng Việt đa phần còn ở mức giao tiếp thông thường. Các hoạt động truyền thông tộc người cũng ít khi lồng ghép các tiết mục văn hóa tộc người vào các nội dung thông tin nên hạn chế trong việc thu hút sự chú ý tham gia của người dân. Các chủ thể truyền thông phần lớn là người Kinh, việc hiểu biết ngôn ngữ và văn hóa DTTS còn hạn chế dẫn đến việc xây dựng và thiết kế các chương trình truyền thông dành cho người DTTS, đặc biệt là vùng biên giới còn chưa thực sự phù hợp. Nhiều chủ thể truyền thông không được đào tạo về nghiệp vụ báo chí và truyền thông nên cũng gặp nhiều khó khăn trong nội dung bài viết và đưa tin.

### **Kết luận**

Đảng và Nhà nước ta đã ban hành nhiều chính sách về truyền thông, trong đó có những nội dung dành riêng cho các TNTS, vùng sâu, vùng xa, vùng biên giới và hải đảo. Các chính sách này đã được tỉnh Lào Cai thực hiện nghiêm túc ở vùng biên giới Việt Nam - Trung Quốc và đã đạt được những hiệu quả nhất định trong việc nâng cao nhận thức, hiểu biết về chính trị, kinh tế, văn hóa và xã hội cho người dân các tộc người vùng biên. Tuy nhiên quá trình thực hiện không tránh khỏi những hạn chế nhất định như đã nêu trên. Để góp phần khắc phục những khó khăn đó, chúng tôi đưa ra số khuyến nghị như sau:

Một là, cần xây dựng chính sách truyền thông nằm trong một chiến lược phát triển tổng thể dành riêng cho vùng biên giới. Chiến lược phát triển biên giới này cần tận dụng những đặc thù riêng về điều kiện tự nhiên, vị trí địa lý, dân cư, dân số và văn hóa tộc người ở vùng biên giới Việt Nam - Trung Quốc để phát triển kinh tế - xã hội địa phương thông qua việc quy hoạch và xây dựng các khu công nghiệp sản xuất và chế biến, đẩy mạnh kinh tế cửa khẩu, phát triển du lịch dựa trên các danh lam thắng cảnh tự nhiên và văn hóa tộc người.

Hai là, cần có chính sách đầu tư phát triển hạ tầng truyền thông cho vùng biên giới để bắt kịp với công nghệ truyền thông đang chuyển đổi một cách nhanh chóng để có thể sản xuất được các nội dung truyền thông đạt chất lượng kỹ thuật, đồng thời cũng quản lý được các hoạt động truyền thông không mong muốn xâm nhập vào vùng biên giới.

Ba là, cần xem xét, đánh giá lại hiệu quả của một số chính sách ưu đãi văn hóa đối với các TNTS, trong đó có các TNTS vùng biên giới để các chính sách này thực sự đảm bảo quyền tiếp cận và sử dụng thông tin truyền thông của các tộc người, hỗ trợ những người còn khó khăn trong tiêu dùng các ấn phẩm truyền thông nhưng không tạo nên sự bất bình đẳng, mâu thuẫn trong cộng đồng tộc người.

Bốn là, cần có chính sách phát triển nguồn nhân lực cán bộ truyền thông ở địa phương để thực hiện triển khai các hoạt động truyền thông có chất lượng và hiệu quả, ưu tiên nguồn nhân lực là người DTTS.

Năm là, đổi mới cách thức và nội dung truyền thông cho đồng bào vùng biên giới phù hợp với nhu cầu, đặc trưng và văn hóa tộc người, đưa các nội dung liên quan đến quốc gia vào trong các chuyên mục về văn hóa, văn nghệ, tiểu phẩm bằng tiếng dân tộc để người dân có thể tiếp cận được dễ dàng hơn.

### **Tài liệu tham khảo**

1. Lưu Văn An và cộng sự (2020), *Truyền thông ở vùng dân tộc thiểu số: Thực trạng và giải pháp*, Báo cáo tổng hợp đề tài cấp Nhà nước, Học viện Báo chí và Tuyên truyền.
2. Hồ Dương, Nghĩa Đức (2019), *Thông qua Nghị quyết phê duyệt Đề án tổng thể phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030*, trên trang: <https://quochoi.vn/tintuc/pages/tin-hoat-dong-cua-quoc-hoi.aspx?ItemID=42963> (Truy cập ngày 18/11/2021).
3. Nguyễn Thị Song Hà (2016), “Đảm bảo quyền cơ bản của các dân tộc thiểu số ở Việt Nam hiện nay”, *Tạp chí Khoa học xã hội*, Số 4, tr. 63-75.
4. Nguyễn Thị Nhung và cộng sự (2020), *Hoạt động truyền thông bằng ngôn ngữ dân tộc thiểu số ở Việt Nam*, Báo cáo tổng hợp đề tài cấp Nhà nước, Trường Đại học Sư phạm, Đại học Thái Nguyên.
5. Sở Thông tin và Truyền thông tỉnh Lào Cai (2020), *Giải pháp nâng cao hiệu quả công tác truyền thông ở cơ sở trên địa bàn tỉnh Lào Cai*, Báo cáo tổng hợp đề tài cấp tỉnh.
6. Tạ Văn Thông, Tạ Quang Tùng (2018), *Ngôn ngữ các dân tộc ở Việt Nam*, Nxb. Đại học Thái Nguyên, Thái Nguyên.
7. Trần Hồng Thu (2022), “Sự tiếp nhận truyền thông của người Giáy và người Hmông ở vùng biên giới tỉnh Lào Cai”, *Tạp chí Dân tộc học*, Số 4, tr. 16-30.
8. Vương Xuân Tình, Trần Hồng Hạnh (Đồng Chủ biên, 2012), *Phát triển bền vững văn hóa tộc người trong quá trình hội nhập ở vùng Đông Bắc*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội